

# VIETNAM DAILY

## [Điểm nhấn thị trường]

TTCK Việt Nam giảm điểm tiêu cực trên toàn bộ nhóm ngành với thanh khoản tăng

## [Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF]

Các HĐTL giảm điểm tương đồng với diễn biến của thị trường cơ sở

## [Thông tin doanh nghiệp]

HTG, TNH

## [Quan điểm đầu tư]

NĐT được khuyến nghị tránh mua đuổi trong các phiên hồi phục sớm, ưu tiên bán chốt lời các vị thế trading đã mở và hạ tỷ trọng danh mục xuống ngưỡng an toàn khi chỉ số tiếp cận các vùng kháng cự.

14/06/2024

	Chỉ số	Thay đổi (%, bp)
VNIndex	1,279.91	-1.66
VN30	1,316.46	-1.30
HĐTL VN30F1M	1,317.00	-1.35
HNXIndex	243.97	-1.77
HNX30	540.53	-2.78
UPCoM	98.05	-0.98
USD/VND	25,448	+0.02
Lợi suất TPCP 10 năm (%)	2.79	-1
Lãi suất qua đêm (%)	4.31	+6
Dầu (WTI, \$)	78.23	-0.50
Vàng (LME, \$)	2,317.25	+0.57



# Điểm nhấn thị trường

**VNIndex** 1,279.91 (-1.66%)  
**KLGD (triệu CP)** 1,009.5 (+29.7%)  
**GTGD (triệu US\$)** 1,153.8 (+27.2%)

TTCK Việt Nam giảm điểm tiêu cực trên toàn bộ nhóm ngành với thanh khoản tăng. Khối ngoại bán ròng 568.2 tỷ đồng, tập trung tại FPT (+0.77%), VHM (-0.13%), MWG (-1.56%).

**HNXIndex** 243.97 (-1.77%)  
**KLGD (triệu CP)** 106.0 (+29.7%)  
**GTGD (triệu US\$)** 81.9 (+33.4%)

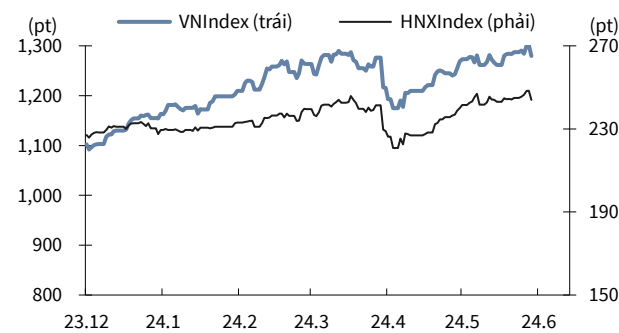
Ủy ban Chứng khoán Nhà nước trong ngày 14/6 đã tổ chức họp bàn về tháo gỡ vướng mắc cho nhà đầu tư ngoại, tiến tới nâng hạng theo FTSE. Tuy nhiên, Việt Nam vẫn chưa đáp ứng được tiêu chí 'Chu kỳ thanh toán (DvP)', hiện được xếp là hạn chế. Cổ phiếu ngành chứng khoán giảm điểm ở VCI (-3.35%), SSI (-1.1%), VND (-1.65%).

**UPCoM** 98.05 (-0.98%)  
**KLGD (triệu CP)** 111.5 (+68.8%)  
**GTGD (triệu US\$)** 61.3 (+62.0%)

Giá dầu WTI đạt 77.77 USD/thùng, giảm 0.56 USD/thùng. Trong khi đó, giá dầu Brent đạt 82.12 USD/thùng, tăng 0.28 vào lúc 6h26 ngày 14/6 theo giờ Việt Nam. Cổ phiếu dầu khí giảm giá ở BSR (-1.72%), PLX (-4.03%), OIL (-2.63%).

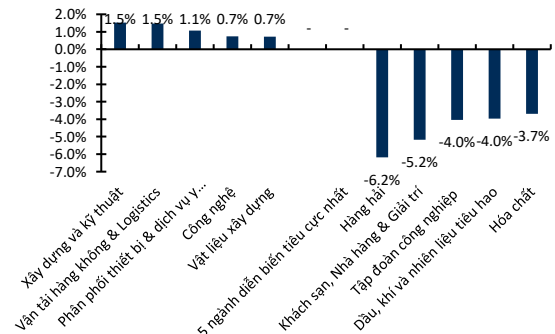
**NĐTNN mua ròng (triệu US\$)** -22.8

## VNIndex & HNXIndex



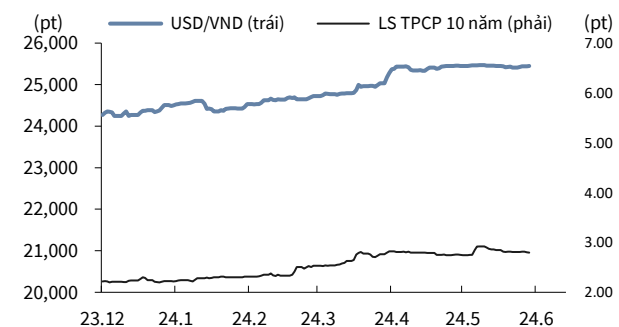
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## Biến động nhóm ngành



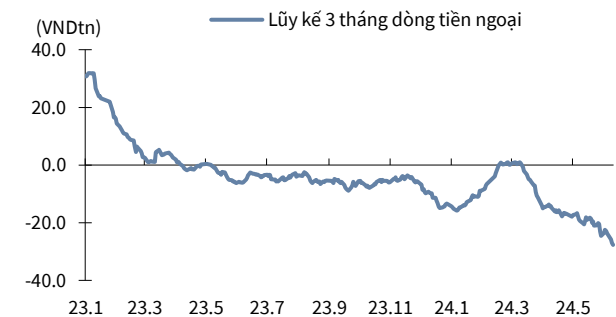
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## Giá trị mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

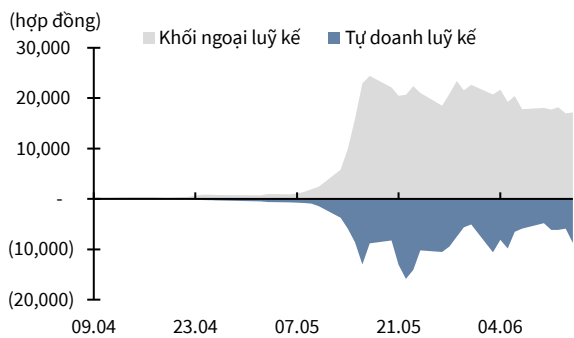
# Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF

<b>VN30</b>	<b>1,316.46 (-1.30%)</b>
<b>VN30F1M</b>	<b>1,317.0 (-1.35%)</b>
<b>Mở cửa</b>	<b>1,333.5</b>
<b>Cao nhất</b>	<b>1,335.9</b>
<b>Thấp nhất</b>	<b>1,317.0</b>
<b>KLGD (HĐ)</b>	<b>205,879 (-0.7%)</b>

Các HĐTL giảm điểm tương đồng với diễn biến của thị trường cơ sở. Chênh lệch giữa F2406 và VN30 mở cửa tại mức -1.04 điểm, sau đó biến động quanh -1.04 điểm và đóng cửa tại 0.54 điểm. Khối lượng giao dịch giảm.

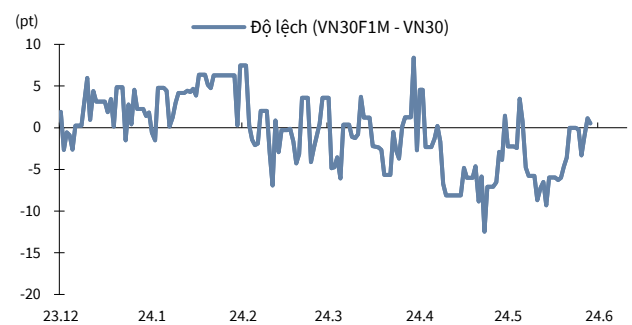
Khối ngoại mua ròng 203 HĐTL VN30F2406 và đang duy trì vị thế mua lũy kế 17,198 hợp đồng. Khối tự doanh CTCK bán ròng 2,876 hợp đồng và đang duy trì vị thế bán lũy kế 8,742 hợp đồng.

Mua/bán lũy kế HĐTL VN30F1M của tự doanh & NĐTNN



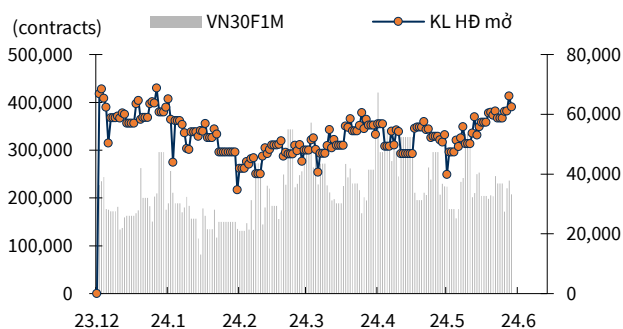
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Độ lệch HĐTL VN30F1M so với VN30



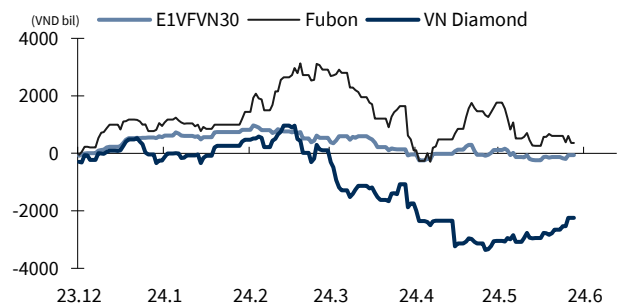
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KLGD HĐTL VN30F1M & KL hợp đồng mở



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

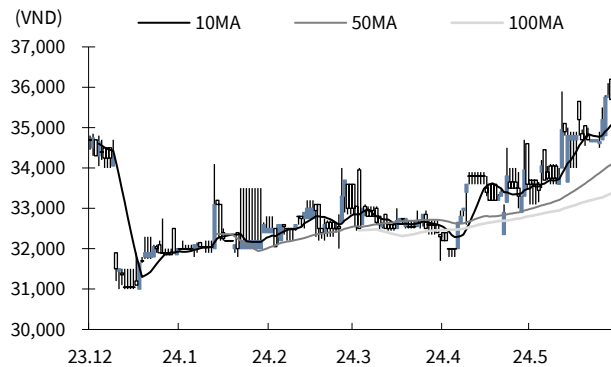
Biến động tổng tài sản các quỹ ETFs lớn



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

# Thông tin doanh nghiệp

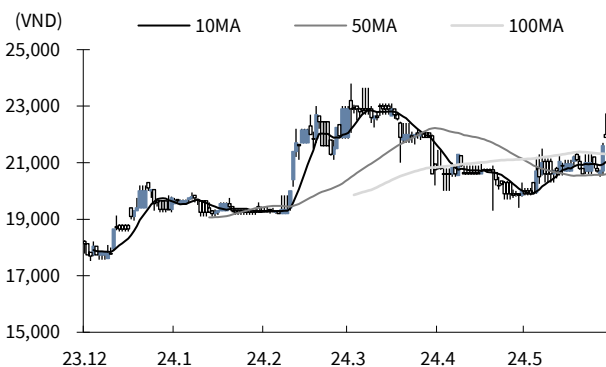
## Tổng CTCP Dệt may Hòa Thọ (HTG)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- HTG giảm 0.28% xuống 35,700 VND/cp
- Tổng CTCP Dệt may Hòa Thọ sẽ tạm ứng cổ tức năm 2024 bằng tiền mặt với tỷ lệ 10%. Theo đó, ngày đăng ký cuối cùng để nhận cổ tức là 28/06/2024 và ngày giao dịch không hưởng quyền là 27/06/2024. Cổ tức tạm ứng năm 2024 sẽ được chi trả vào ngày 26/07/2024. Trước đó, Dệt may Hòa Thọ đã trình cổ đông xem xét việc tăng mạnh mức chia cổ tức bằng tiền mặt cho năm 2023, lên 35%, tương đương mỗi cổ đông sở hữu 01 cổ phiếu sẽ nhận được 3,500 đồng. Đây là mức cổ tức cao so với mặt bằng chung thị trường, Hòa Thọ cũng giữ tỷ lệ trả cổ tức cho cổ đông 20 - 30% trong 10 năm qua

## CTCP Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên (TNH)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- TNH tăng 1.39% lên 21,900 VND/cp
- CTCP Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên vừa nhận đơn đề cử ứng viên tham gia HĐQT nhiệm kỳ 2020-2025 của KWE Beteiligungen AG – cổ đông lớn nắm 10.51% vốn điều lệ. Quỹ đầu tư đến từ Thụy Sĩ đề cử bà Nguyễn Thị Thùy Giang – Giám đốc Đầu tư, Việt Nam của Kenno Asset Management Pte Ltd (Singapore) kiêm Trưởng văn phòng đại diện Kenno Pte. Ltd. tại Hà Nội tham gia HĐQT của công ty. Việc bổ nhiệm sẽ được xem xét thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 của công ty này, dự kiến tổ chức ngày 28/6.

# Quan điểm kỹ thuật

## Xu hướng & Hành động

### Chỉ số VNIndex



Nguồn: Trading View, KB Securities Vietnam

Chỉ báo	Nhận định xu hướng	Hành động
Xanh đậm	Khả năng tăng điểm cao	Mua mạnh
Xanh nhạt	Khả năng tăng điểm vừa phải	Mua từng phần
Vàng	Xu hướng trung tính	Quan sát
Cam	Khả năng giảm điểm vừa phải	Bán từng phần
Đỏ	Khả năng giảm điểm cao	Bán mạnh

### Ngưỡng kỹ thuật

Kháng cự xa: 1330 (+10)

Kháng cự gần: 129x

Hỗ trợ gần: 1270 (+5)

Hỗ trợ xa: 124x

Việc hình thành mẫu nến “Marubozu” giảm điểm, đi kèm thanh khoản tăng khá mạnh cho thấy áp lực phân phối giá thấp đã trở nên rõ ràng hơn. Sau chuỗi tăng thoải và phân hóa, chớm vượt mốc kháng cự tâm lý 1300 điểm, thì tín hiệu này có ý nghĩa khá tiêu cực với xu hướng ngắn hạn của chỉ số. Mặc dù nhiều khả năng VNIndex sẽ cho phản ứng hồi phục trở lại tại vùng hỗ trợ gần quanh 1270, rủi ro chỉ số có thể sớm đảo chiều sau đó đang có phần lấn át hơn.

NDT được khuyến nghị tránh mua đuổi trong các phiên hồi phục sớm, ưu tiên bán chốt lời các vị thế trading đã mở và hạ tỷ trọng danh mục xuống ngưỡng an toàn khi chỉ số tiếp cận các vùng kháng cự.

# KBSV danh mục đầu tư mẫu

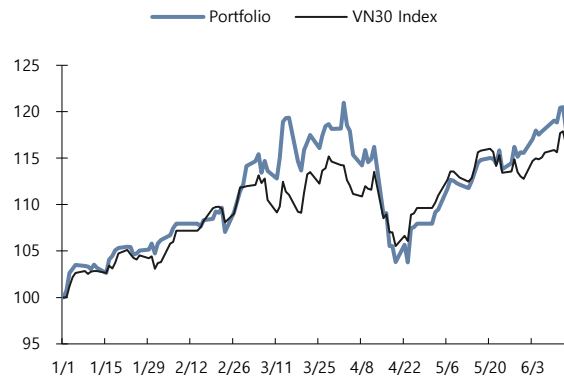
Khởi phân tích KBSV

## Phương pháp tiếp cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ trong 3 tháng tới với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VN30.
- Ngưỡng cắt lỗ tại -15%
- Luôn duy trì 100% danh mục là cổ phiếu (có thể bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều (tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục được điều chỉnh hàng tháng).

	VN30 Index	Master Portfolio
Tăng trong phiên	-1.30%	-2.13%
Tăng lũy kế (YTD)	16.35%	17.92%

## So sánh hiệu suất với VN30 Index



## Danh mục đầu tư mẫu cho NĐT trong nước

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa 14/06/2024	Daily return (%)	Tăng/giảm lũy kế (%)	Điểm nhấn đầu tư
FPT (FPT)	02/05/2024	131,000	0.8%	21.7%	- Các mảng kinh doanh như CNTT nước ngoài, giáo dục còn nhiều tiềm năng tăng trưởng - Kỳ vọng động lực tăng trưởng dài hạn khi xâm nhập vào mảng chip bán dẫn
PC1 Group (PC1)	01/04/2024	28,300	-3.1%	-0.5%	- Quy hoạch điện VIII thúc đẩy mảng xây lắp điện và sản xuất công nghiệp - Doanh thu bán điện hồi phục khi chuyển pha Lanina trong 2H2024 - Triển vọng dài hạn ở mảng Khu công nghiệp
Vietcombank (VCB)	01/03/2024	87,500	-1.0%	-10.9%	- Tín dụng tăng trưởng bền vững trong năm 2024 - NIM kỳ vọng được duy trì ổn định nhờ chi phí vốn cải thiện - Bộ đệm dự phòng vững chắc
Phu Nhuận Jewelry (PNJ)	03/06/2024	95,800	-1.5%	1.9%	- Thị phần mảng bán lẻ duy trì tăng trưởng nhờ xu hướng hợp nhất ngành - Nhu cầu kỳ vọng cải thiện khi kinh tế phục hồi - Mảng vàng miếng tăng trưởng tốt nhờ giá vàng tăng
Hoa Phat (HPG)	03/06/2024	29,100	-1.4%	1.0%	- KQKD chạm đáy trong 2023 và hồi phục từ 2024 - Lợi nhuận có tín hiệu hồi phục, ngành thép chuẩn bị bước vào chu kỳ tăng giá mới - Dung Quất 2 tạo động lực tăng trưởng cho HPG trong dài hạn
Sacombank (STB)	03/06/2024	30,550	-3.5%	8.7%	- STB đã bán thành công khoản nợ liên quan đến khu công nghiệp Phong Phú - Lãi suất huy động của STB vẫn duy trì ở mức thấp - NIM kỳ vọng tiếp tục hồi phục, NPL đi ngang so với cùng kỳ, chất lượng tài sản được kiểm soát tốt
DPM (DPM)	03/06/2024	36,800	-5.2%	1.1%	- Nhu cầu trồng trọt toàn cầu tăng trưởng sẽ hỗ trợ triển vọng tiêu thụ phân bón trong 2024 - Kỳ vọng chi phí đầu vào thuận lợi hơn khi El Nino có dấu hiệu suy yếu đi
Nam Kim (NKG)	03/06/2024	25,700	-3.4%	3.8%	- Tiêu thụ được thúc đẩy nhờ động lực chính từ kênh xuất khẩu và nội địa dần hồi phục - Nhà máy Nam Kim Phú Mỹ bắt đầu cho ra sản phẩm từ 1Q2026
PetroVietnam Gas (GAS)	03/06/2024	79,000	-1.5%	-2.3%	- Giá dầu thô Brent và dầu FO dự báo đi ngang so với năm 2023, đóng góp vào KQKD 2024 - Dự án LNG tăng khả năng có lợi nhuận trong 2025 nhờ điều chỉnh giá điện
Mobile World Corp (MWG)	02/05/2024	63,000	-1.6%	12.5%	- Chuỗi TGDD và ĐMX trên đà hồi phục, kỳ vọng quay trở lại làm trụ cột lợi nhuận chính - Bách Hoá Xanh tăng trưởng ấn tượng, đạt mục tiêu hoà vốn, tiếp tục tối ưu trước khi mở rộng

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

# Thống kê thị trường

## HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
SSI	-1.1%	44.0%	75.0
MSN	-0.8%	30.3%	72.6
DGC	-1.3%	19.0%	63.4
HAH	-2.0%	7.8%	57.1
HVN	5.9%	7.1%	47.8

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
FPT	0.8%	42.1%	-148.7
VHM	-0.1%	16.7%	-123.0
MWG	-1.6%	47.8%	-92.6
VRE	-1.2%	27.3%	-71.8
VIC	-2.8%	11.7%	-70.4

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

## HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Ticker	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
IDC	-2.0%	23.6%	27.5
MBS	-3.4%	2.1%	17.6
BVS	-4.7%	5.6%	2.8
PVS	-3.5%	20.8%	2.1
CEO	-2.1%	4.7%	1.8

Ticker	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
SHS	-3.6%	9.6%	-5.6
DTD	-3.1%	6.6%	-4.3
VCS	-0.3%	2.2%	-3.4
TNG	-5.6%	20.6%	-2.5
VGS	-3.1%	1.0%	-2.1

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

## Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Giấy & lâm sản	6.9%	DHC, HAP, HHP, VID
Công nghệ	5.9%	FPT, CMG, ELC
Xây dựng và kỹ thuật	5.4%	DIG, HDG, VCG, PC1
Phân phối thiết bị & dịch vụ y tế	3.7%	TNH, JVC, VMD
Khách sạn, Nhà hàng & Giải trí	2.6%	AST, VNG, DSN, DAH

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Đồ uống	-6.2%	SAB, BHN, SMB, SCD
Máy móc	-3.9%	TCH, HHS, SRF, SHA
Bảo hiểm	-3.7%	BVH, MIG, BIC, BMI
Hóa chất	-2.8%	GVR, DGC, DPM, DCM
Quản lý & phát triển bất động sản	-2.6%	VHM, VIC, NVL, BCM

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

## Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Hàng hải	19.7%	VSC, VOS, SKG, VTO
Giấy & lâm sản	18.4%	DHC, HAP, HHP, VID
Công nghệ	16.3%	FPT, CMG, ELC
Phụ tùng oto	15.3%	DRC, CSM, PAC, TNC
Xây dựng và kỹ thuật	13.3%	DIG, HDG, VCG, PC1

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Sản phẩm xây dựng	-2.7%	VGC, BMP, SHI, DAG
Hàng không dân dụng	-1.4%	VJC, HVN
Quản lý & phát triển bất động sản	-0.8%	VHM, VIC, NVL, BCM
Ngân hàng	-0.8%	VCB, BID, VPB, TCB
Hàng dệt, may & hàng xa xỉ	0.4%	PNJ, TCM, MSH, GIL

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VNDtỷ, USDmn)	GTGD (VNDtỷ, USDmn)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							23E	24E		23E	24E	23E	24E	1D	1W	1M	YTD
Bất Động Sản	VIC	VINGROUP JSC	97,778	372,067 (16,170)	106,239 (4.2)	22.5	47.5	-	14.7	2.9	-2.5	-	-	-2.8	-3.4	-8.8	-5.8
	VHM	VINHOMES JSC	79,385	339,478 (14,753)	319,814 (12.6)	26.6	5.5	4.7	35.9	16.0	15.8	0.8	0.7	-0.1	-2.1	-4.9	-11.6
	VRE	VINCOM RETAIL JS	34,850	79,190 (3,442)	177,249 (7.0)	17.8	12.0	10.4	-7.6	10.7	10.7	1.2	1.1	-1.2	-3.4	-3.6	-7.9
	NVL	NOVALAND INVESTM	45,853	86,712 (3,768)	223,105 (8.8)	31.3	-	-	6.7	-3.8	-6.4	0.8	0.8	-1.4	-4.1	2.5	-17.0
	KDH	KHANG DIEN HOUSE	25,770	19,167 (833)	142,301 (5.6)	11.6	34.0	31.4	13.7	6.5	7.6	1.9	1.9	-2.8	0.5	4.5	19.4
	DXG	DAT XANH GROUP	20,008	12,594 (547)	133,114 (5.2)	13.9	71.4	42.4	-	2.1	2.5	1.1	1.1	-2.4	-1.2	-3.5	-14.7
Ngân hàng	VCB	BANK FOR FOREIGN	67,686	378,305 (16,441)	158,729 (6.2)	6.3	14.2	12.1	11.7	19.2	18.2	2.4	2.0	-1.0	-1.1	-3.4	9.0
	BID	BANK FOR INVESTM	30,621	174,556 (7,586)	89,972 (3.5)	12.7	12.4	10.7	-5.3	18.8	19.2	1.9	1.6	-1.8	-0.5	-1.2	9.4
	TCB	VIETNAM TECHNOLO	38,900	136,341 (5,925)	493,602 (19.4)	0.0	7.8	6.5	14.3	16.3	17.6	1.2	1.0	-0.6	0.0	2.5	54.4
	CTG	VIETNAM JS COMM	25,516	137,021 (5,955)	337,990 (13.3)	1.4	8.5	6.4	50.3	16.6	18.7	1.2	1.0	-3.2	0.0	1.5	21.0
	VPB	VIETNAM PROSPERI	15,296	101,381 (4,406)	357,138 (14.0)	0.0	10.1	7.8	18.8	11.2	12.9	1.1	1.0	-3.9	3.9	-2.1	-2.6
	MBB	MILITARY COMMERC	14,063	73,327 (3,187)	424,730 (16.7)	0.0	5.7	4.9	14.6	22.1	22.2	1.1	1.0	-1.9	2.9	1.1	23.9
	HDB	HDBANK	14,191	40,641 (1,766)	164,793 (6.5)	4.2	6.1	5.6	23.3	24.4	18.1	1.2	1.0	-0.6	1.1	2.8	18.0
	STB	SACOMBANK	18,600	33,548 (1,458)	428,068 (16.8)	14.0	6.0	4.6	26.5	18.8	21.3	1.0	0.8	-3.5	-0.7	12.1	9.3
	TPB	TIEN PHONG COMME	14,821	28,732 (1,249)	170,613 (6.7)	0.0	4.5	3.7	37.4	16.5	17.7	1.1	0.9	-1.8	3.0	3.6	7.2
EIB	VIETNAM EXPORT-I	13,065	22,745 (988)	236,426 (9.3)	0.2	-	-	27.3	-	-	-	-	-3.1	-6.6	4.8	0.8	
Bảo hiểm	BVH	BAO VIET HOLDING	61,900	45,950 (1,997)	51,337 (2.0)	21.0	19.3	16.0	15.8	7.8	9.0	-	-	-2.7	-4.1	10.1	12.7
	BMI	BAOMINH INSURANC	20,227	2,439 (106)	15,863 (0.6)	14.2	-	-	9.1	-	-	-	-	-2.1	-5.3	6.8	18.0
Chứng khoán	SSI	SSI SECURITIES C	20,676	19,947 (867)	576,830 (22.7)	55.4	20.5	17.4	-3.2	12.1	13.2	2.3	2.3	-1.1	1.8	1.7	10.1
	VCI	VIETCAP	21,154	9,108 (396)	286,956 (11.3)	71.9	27.0	25.8	-4.0	12.7	11.6	2.2	2.5	-3.4	1.3	2.8	14.6
	HCM	HO CHI MINH CITY	15,467	8,907 (387)	243,306 (9.6)	52.4	-	-	-19.0	10.2	-	-	-	-2.2	0.7	1.4	21.6
	VND	VNDIRECT SECURIT	6,134	5,734 (249)	301,811 (11.9)	27.2	13.2	12.9	36.3	11.7	12.0	1.5	1.3	-1.7	-0.3	-1.8	-8.7
Hàng tiêu dùng thiết yếu	VNM	VIET NAM DAIRY P	109,000	227,805 (9,900)	281,939 (11.1)	42.1	16.0	14.9	4.0	28.3	29.5	4.3	4.2	-1.0	-2.4	-0.5	-2.1
	SAB	SAIGON BEER ALCO	96,250	123,447 (5,365)	106,421 (4.2)	36.9	19.0	18.0	7.3	17.9	18.7	3.3	3.3	-3.4	-6.6	11.0	0.6
	MSN	MASAN GROUP CORP	79,250	111,712 (4,855)	509,123 (20.0)	16.5	63.7	30.4	-51.9	7.3	12.2	3.7	3.3	-0.8	0.5	10.5	16.4
	HNG	HOANG ANH GIA LA	12,450	13,801 (600)	20,956 (0.8)	48.8	-	-	-	-	-	-	-	-2.8	-6.4	14.2	2.6
Công nghiệp (vận tải)	VJC	VIETJET AVIATION	131,800	69,042 (3,001)	104,220 (4.1)	11.0	33.6	24.2	-88.5	11.5	17.0	3.3	2.9	-1.1	-3.9	-	-3.0
	GMD	GEMADEPT CORP	33,100	9,976 (434)	154,820 (6.1)	10.8	19.3	20.1	-57.0	14.9	13.3	2.5	2.3	-2.4	-0.5	0.9	17.7
	CII	HO CHI MINH CITY	22,600	5,398 (235)	101,843 (4.0)	38.4	-	-	65.7	-	-	-	-	-1.7	-1.1	3.0	0.3
Công nghiệp (Tứ bản)	CTR	VIETTEL CONSTRUC	55,596	6,360 (276)	74,408 (2.9)	48.0	32.9	27.0	26.2	28.6	30.6	8.2	6.9	6.9	13.9	20.4	65.9
	GEX	GELEX GROUP JSC	15,802	10,411 (452)	360,810 (14.2)	37.7	45.6	20.1	-14.4	6.8	5.2	-	-	0.0	-0.8	7.2	0.4
	CTD	COTECCONS CONSTR	54,900	5,438 (236)	120,824 (4.7)	3.6	21.5	16.7	-52.4	3.7	4.3	0.9	0.8	-1.1	0.0	7.7	5.5
	REE	REE	39,188	18,419 (800)	63,972 (2.5)	0.0	10.2	8.2	-4.5	10.6	10.5	1.3	1.3	-3.9	-0.8	6.2	24.5

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam



Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VNDtỷ, USDmn)	GTGD (VNDtỷ, USDmn)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							23E	24E		23E	24E	23E	24E	1D	1W	1M	YTD
Tiện ích	GAS	PETROVIETNAM GAS	75,083	172,447 (7,494)	140,740 (5.5)	46.1	16.4	15.5	-17.5	16.6	16.4	2.7	2.5	-1.5	-1.6	5.1	4.6
	NT2	PETROVIETNAM NHO	22,850	6,578 (286)	26,360 (1.0)	31.4	-	24.8	-10.5	2.0	5.1	1.6	1.6	-3.3	-4.3	0.5	-9.6
	PPC	PHA LAI THERMAL	26,200	8,400 (365)	14,112 (0.6)	34.1	8.5	8.1	-5.1	13.3	13.5	0.9	0.9	-2.8	-1.0	-3.7	5.1
Nguyên vật liệu	HPG	HOA PHAT GRP JSC	22,714	145,287 (6,314)	797,013 (31.3)	18.0	14.9	10.5	21.9	10.2	12.9	1.6	1.4	-1.4	-0.7	6.0	14.5
	DPM	PETROVIETNAM FER	17,400	6,809 (296)	174,005 (6.8)	36.5	19.1	15.4	-0.5	6.4	7.9	1.3	1.2	-5.2	-5.5	9.2	10.5
	DCM	PETRO CA MAU FER	13,650	7,226 (314)	249,040 (9.8)	46.5	11.5	11.9	-4.5	14.4	16.2	1.9	1.8	-3.8	-4.1	9.0	15.7
	HSG	HOA SEN GROUP	18,314	11,063 (481)	281,192 (11.1)	38.9	17.3	12.2	67.9	8.1	10.1	1.4	1.4	-3.5	0.2	12.9	3.3
	AAA	AN PHAT BIOPLAST	12,864	3,138 (136)	81,456 (3.2)	97.2	-	-	17.2	-	-	-	-	-2.6	-6.3	0.0	17.5
Năng lượng	PLX	VIETNAM NATIONAL	56,100	68,375 (2,972)	109,515 (4.3)	4.6	15.5	14.4	-51.0	12.0	12.2	1.9	1.7	-4.0	-2.4	8.0	17.4
	PVD	PETROVIETNAM DRI	17,727	9,854 (428)	180,527 (7.1)	39.9	19.6	11.0	-11.9	5.9	11.3	1.3	1.2	-3.1	-1.6	-2.2	10.2
	PVT	PETROVIET TRANSP	16,273	5,793 (252)	192,213 (7.6)	35.9	9.9	8.4	2.2	12.3	12.8	1.4	1.2	-3.5	-1.0	2.7	26.3
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	MWG	MOBILE WORLD INV	46,500	65,024 (2,826)	537,797 (21.1)	0.0	26.5	19.2	14.4	14.2	16.6	3.5	3.0	-1.6	1.4	4.8	47.2
	PNJ	PHU NHUAN JEWELR	65,625	19,895 (865)	137,079 (5.4)	0.0	15.3	13.2	2.4	21.1	21.2	2.9	2.5	-1.5	1.3	-0.6	11.4
	YEG	YEAH1 GROUP CORP	23,403	1,261 (055)	16,128 (0.6)	70.6	-	-	-	-	-	-	-	-6.0	-8.9	-0.8	-23.7
	FRT	FPT DIGITAL RETA	16,348	2,227 (097)	132,135 (5.2)	30.3	122.0	45.4	-75.2	9.6	23.4	13.7	11.1	-1.7	2.4	7.2	62.6
PHR	PHUOC HOA RUBBER	61,900	8,387 (365)	31,430 (1.2)	34.6	21.7	19.0	41.2	10.3	11.3	2.4	2.3	-2.2	-1.9	1.3	22.7	
Chăm sóc sức khỏe	DHG	DHG PHARMACEUTIC	100,300	13,114 (570)	4,383 (0.2)	45.4	16.2	15.2	10.7	19.5	19.2	3.2	3.2	0.4	-4.5	-0.5	11.5
	PME	PYMEPHARCO JSC	80,200	6,016 (261)	#N/A (#N/A)	11.7	-	-	1.6	-	-	-	-	-	-	-	-
IT	FPT	FPT CORP	42,848	61,301 (2,664)	751,813 (29.5)	0.0	25.3	20.7	15.5	28.4	28.9	4.9	4.1	0.8	6.1	15.4	56.8

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## KHỐI PHÂN TÍCH CÔNG TY CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM

---

**Nguyễn Xuân Bình – Giám đốc phân tích**  
binhnx@kbsec.com.vn

### **Ngân hàng, Bảo hiểm & Chứng khoán**

**Nguyễn Anh Tùng – Trưởng nhóm**  
tungna@kbsec.com.vn

**Phạm Phương Linh – Chuyên viên phân tích**  
linhpp@kbsec.com.vn

### **Bất động sản, Xây dựng & Vật liệu xây dựng**

**Phạm Hoàng Bảo Nga – Trưởng nhóm**  
ngaphb@kbsec.com.vn

**Nguyễn Dương Nguyên – Chuyên viên phân tích**  
nguyennd1@kbsec.com.vn

### **Bán lẻ & Hàng tiêu dùng**

**Nguyễn Trường Giang – Chuyên viên phân tích**  
giangnt1@kbsec.com.vn

### **Bất động sản khu công nghiệp & Logistics**

**Nguyễn Thị Ngọc Anh – Chuyên viên phân tích**  
anhntn@kbsec.com.vn

### **Dầu khí & Hóa Chất**

**Phạm Minh Hiếu – Chuyên viên phân tích**  
hieupm@kbsec.com.vn

**Khối phân tích**  
research@kbsec.com.vn

### **Vĩ mô & Chiến lược đầu tư**

**Trần Đức Anh – Giám đốc Vĩ mô & Chiến lược đầu tư**  
anhtd@kbsec.com.vn

**Vũ Thu Uyên – Chuyên viên phân tích**  
uyenvt@kbsec.com.vn

**Nghiêm Sỹ Tiến – Chuyên viên phân tích**  
tienss@kbsec.com.vn

**Nguyễn Đình Thuận – Chuyên viên phân tích**  
thuannd@kbsec.com.vn

### **Bộ phận Hỗ trợ**

**Nguyễn Cẩm Thơ – Chuyên viên hỗ trợ**  
thonc@kbsec.com.vn

**Nguyễn Thị Hương – Chuyên viên hỗ trợ**  
huongnt3@kbsec.com.vn

**CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)**

---

**Trụ sở chính:**

Địa chỉ: Tầng 16&amp;17, Tháp 2, Tòa nhà Capital Place, số 29 Liễu Giai, Ba Đình, Hà Nội

Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

**Chi nhánh Hà Nội:**

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội

Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

**Chi nhánh Hồ Chí Minh:**

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh

Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

**Chi nhánh Sài Gòn:**

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh

Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

**LIÊN HỆ**

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656

Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276

Email: ccc@kbsec.com.vn

Website: www.kbsec.com.vn

**Hệ thống khuyến nghị**

---

**Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu**

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Mua:	Trung lập:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

**Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành**

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin và dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng thông tin và dữ liệu là chính xác hoặc đầy đủ và các quan điểm được trình bày trong báo cáo này có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên độc lập xem xét các trường hợp và mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư của mình và chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất chung và chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.

